

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-37



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà nội cấp, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18/07/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Lung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Phó Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Hiệp	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Trường	Ủy viên
Ông Đỗ Ngọc Cương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Lung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Như Hùng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Bùi Thị Lê	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/04/2016
Ông Tăng Thành Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2016
Bà Đoàn Thị Minh Phương	Thành viên	
Ông Nguyễn Phong Thắng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 28/04/2016
Bà Trịnh Thị Vinh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 28/04/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

05 -
GTY
KIỂM
KIỂM
AA
VAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được lập ngày 15 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2016, Tổng công ty đã thực hiện đối chiếu và gửi thư xác nhận công nợ phải thu, công nợ phải trả cho khách hàng và nhà cung cấp, tuy nhiên đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được đầy đủ các biên bản đối chiếu xác nhận của khách hàng và nhà cung cấp. Giá trị các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu tương ứng là 19 tỷ đồng và 5,2 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi không thể đánh giá, xác định được mức độ ảnh hưởng của các vấn đề này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại 31/12/2016, một số khoản phải thu quá hạn thanh toán theo hợp đồng với tổng số tiền là 11,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Tổng Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Tổng Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi khi quyết toán. Vấn đề này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán nêu trên của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi - HEC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ các vấn đề nêu trên.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1868-2013-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		173.201.732.078	189.566.960.158
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	35.510.854.502	47.115.389.220
111	1. Tiền		35.510.854.502	42.915.389.220
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		107.607.449.645	98.717.272.080
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	74.450.142.380	57.564.025.816
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.138.690.520	13.411.214.056
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		3.389.000	3.389.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	28.015.227.745	27.738.643.208
140	IV. Hàng tồn kho	8	29.966.066.441	43.642.803.992
141	1. Hàng tồn kho		29.966.066.441	43.642.803.992
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		117.361.490	91.494.866
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	10.941.662	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		73.282.945	28.491.651
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	33.136.883	63.003.215
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		31.024.327.472	30.554.181.818
220	II. Tài sản cố định		24.244.080.618	23.817.872.375
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	24.020.172.123	23.415.806.380
222	- Nguyên giá		52.227.030.030	49.875.012.060
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(28.206.857.907)	(26.459.205.680)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	223.908.495	402.065.995
228	- Nguyên giá		1.094.660.000	1.094.660.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(870.751.505)	(692.594.005)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	4.877.167.497	4.818.527.140
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.855.383.191	3.796.742.834
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.021.784.306	1.021.784.306
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.903.079.357	1.917.782.303
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.089.038.078	977.741.024
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		814.041.279	940.041.279
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		204.226.059.550	220.121.141.976

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		129.176.170.552	146.935.306.053
310	I. Nợ ngắn hạn		126.520.952.896	144.279.759.673
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	14.201.485.165	14.013.135.097
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	16.611.428.683	32.153.636.941
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	7.272.751.307	8.355.453.061
314	4. Phải trả người lao động		29.603.919.718	25.679.891.095
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	6.333.275.965	14.668.323.979
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	26.169.928.639	26.033.575.448
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	22.260.245.066	20.062.023.160
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.067.918.353	3.313.720.892
330	II. Nợ dài hạn		2.655.217.656	2.655.546.380
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	2.655.217.656	2.655.546.380
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		75.049.888.998	73.185.835.923
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	75.049.888.998	73.185.835.923
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44.000.000.000	44.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		44.000.000.000	44.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		356.849.738	356.849.738
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.573.420.650	13.885.379.775
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.274.227.096	8.064.709.810
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		2.227.292.017	1.491.085.296
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		7.046.935.079	6.573.624.514
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		6.845.391.514	6.878.896.600
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		204.226.059.550	220.121.141.976

[Signature]

[Signature]



Phạm Vũ Toàn
Người lập

Phan Kim Yến
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	163.458.648.168	155.253.779.250
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	74.782.000	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		163.383.866.168	155.253.779.250
11	4. Giá vốn hàng bán	23	135.757.735.885	128.578.495.237
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.626.130.283	26.675.284.013
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	752.002.361	722.640.007
22	7. Chi phí tài chính	25	2.000.939.284	2.054.485.819
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.998.138.463	2.047.807.377
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		184.640.357	317.766.721
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18.846.621.006	17.250.691.800
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.715.212.711	8.410.513.122
31	12. Thu nhập khác	27	2.436.119.637	2.898.564.056
32	13. Chi phí khác	28	489.318.653	1.766.331.488
40	14. Lợi nhuận khác		1.946.800.984	1.132.232.568
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.662.013.695	9.542.745.690
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.996.577.748	2.186.788.936
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>7.665.435.947</u>	<u>7.355.956.754</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		7.046.935.079	6.573.624.514
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		618.500.868	782.332.240
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.602	1.494

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Phạm Vũ Toàn

Người lập

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Phan Kim Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lâm

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9.662.013.695	9.542.745.690
	4. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.644.009.939	2.948.641.438
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.028.733.627)	(1.040.406.728)
06	- Chi phí lãi vay		1.998.138.463	2.047.807.377
08	12 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.275.428.470	13.498.787.777
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(8.779.102.527)	23.715.553.631
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		13.802.737.551	6.168.791.565
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(18.692.082.070)	(10.009.178.267)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(122.238.716)	11.674.901
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.006.939.151)	(2.047.807.377)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.952.645.518)	(1.555.329.134)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		223.030.916	
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.356.118.390)	(1.564.530.768)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.607.929.435)	28.217.962.328
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.070.218.182)	(369.478.182)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	20.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		752.002.361	714.030.217
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.318.215.821)	364.552.035
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		19.319.555.906	17.346.608.853
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(17.121.334.000)	(17.722.755.962)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.914.604.340)	(3.822.721.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.716.382.434)	(4.198.868.109)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(11.642.527.690)	24.383.646.254

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		47.115.389.220	22.731.742.966
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		37.992.972	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>35.510.854.502</u>	<u>47.115.389.220</u>





Phạm Vũ Toàn
Người lập

Phan Kim Yên
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà nội cấp, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18/07/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 44.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 44.000.000.000 đồng; tương đương 4.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình xây dựng, thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Kinh doanh khách sạn, cho thuê bất động sản, văn phòng;
- In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ, thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
- Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyên giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án thủy lợi, thủy điện;
- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình;
- Tham gia đào tạo bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán công trình (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong Xây dựng) và hợp đồng kinh tế trong xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị; Giám sát thi công xây dựng công trình: lĩnh vực chuyên môn khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa, khảo sát địa chất thủy văn.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi 3 (HEC 3)	Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh	58,80%	58,80%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng	50,65%	50,65%	Tư vấn, khảo sát xây dựng

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Thị xã Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình	30,00%	30,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Hà Nội	40,00%	40,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 45 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| - Tài sản cố định khác | 03 - 05 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 - 05 năm |

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản tiền nhận trước liên quan đến dịch vụ cung cấp.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	6.824.488.740	3.725.373.323
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.686.365.762	39.190.015.897
Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000
	<u><u>35.510.854.502</u></u>	<u><u>47.115.389.220</u></u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	1.021.784.306	-	1.021.784.306	-
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	1.021.784.306	-	1.021.784.306	-
	1.021.784.306	-	1.021.784.306	-

Đầu tư vào đơn vị khác

- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Khoản đầu tư vào Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 18%, được thành lập tại Hà Nội, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Tư vấn, khảo sát xây dựng.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Sở Nông nghiệp Cao Bằng	1.184.678.000	4.918.648.000
- Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	2.989.913.000	2.656.520.000
- Dự án Phan Rí, Phan Thiết	-	1.145.999.206
- Ban QLDA Sông Tích	2.886.550.000	2.886.550.000
- Công ty TNHH MTV XDCT 507 tại Quảng Ninh	4.132.931.000	4.132.931.000
- Ban QL dự án ĐT và XD Thủy lợi 4	6.452.200.000	22.605.000
- BQL DA NN&PTNT Phú Thọ	2.400.457.000	1.396.515.000
- Ban QLDA CSHT bền vững Hòa Bình	2.018.779.000	-
- Ban QL dự án ĐT và XD Thủy lợi 2	2.309.811.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và PTNT	3.478.365.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng 47	2.703.376.869	2.365.358.583
- Các khoản phải thu khách hàng khác	43.893.081.511	38.038.899.027
	74.450.142.380	57.564.025.816

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi số 3	1.251.830.000	-	64.310.000	-
Công ty cổ phần tư vấn và Xây dựng số 2	2.942.797.000	-	5.694.504.000	-
Trả trước cho người bán khác	944.063.520	-	7.652.400.056	-
	5.138.690.520	-	13.411.214.056	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu người lao động	214.021.560	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	206.686.134	-	304.143.134	-
Tạm ứng	21.641.883.998	-	22.097.997.479	-
Ký cược, ký quỹ	350.650.000	-	514.905.256	-
Phải thu Công ty cơ khí	1.805.235.869	-	1.805.235.869	-
Phải thu chi phí in ấn	-	-	912.165.073	-
Phải thu khác	3.796.750.184	-	2.104.196.397	-
	28.015.227.745	-	27.738.643.208	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.365.148.083	-	1.663.648.534	-
Công cụ, dụng cụ	444.083.448	-	426.362.923	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.156.834.910	-	41.552.792.535	-
	29.966.066.441	-	43.642.803.992	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	23.607.481.515	13.112.885.165	11.806.424.723	1.130.597.443	217.623.214	49.875.012.060
- Mua trong năm	-	615.380.000	2.454.838.182	-	-	3.070.218.182
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(674.219.260)	(43.980.952)	-	(718.200.212)
Số dư cuối năm	23.607.481.515	13.728.265.165	13.587.043.645	1.086.616.491	217.623.214	52.227.030.030
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.552.991.930	7.482.321.758	8.274.980.898	931.287.880	217.623.214	26.459.205.680
- Khấu hao trong năm	1.130.520.376	387.113.181	813.379.745	134.839.137	-	2.465.852.439
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(674.219.260)	(43.980.952)	-	(718.200.212)
Số dư cuối năm	10.683.512.306	7.869.434.939	8.414.141.383	1.022.146.065	217.623.214	28.206.857.907
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	14.054.489.585	5.630.563.407	3.531.443.825	199.309.563	-	23.415.806.380
Tại ngày cuối năm	12.923.969.209	5.858.830.226	5.172.902.262	64.470.426	-	24.020.172.123

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.476.673.888 VND

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá là 1.094.660.000 VND, hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2016 là 870.751.505 VND. Trong đó giá trị khấu hao trong năm là 178.157.500 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.941.662	-
	<u>10.941.662</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa Văn phòng	155.520.908	203.514.202
Công cụ dụng cụ xuất dùng	788.832.442	629.465.222
Chi phí trả trước dài hạn khác	144.684.728	144.761.600
	<u>1.089.038.078</u>	<u>977.741.024</u>

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần tập đoàn XD Bình Minh	1.774.000.000	1.635.757.000
Công ty khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai	1.797.000.000	-
Công ty cổ phần Điện Miền Bắc 1	1.374.782.127	1.374.782.127
Ban QL dự án ĐT và XD Thủy lợi 2	-	4.482.569.000
Ban QL dự án ĐT và XD thủy lợi 6	397.279.200	2.800.000.000
Các khoản người mua trả trước khác	11.268.367.356	21.860.528.814
	<u>16.611.428.683</u>	<u>32.153.636.941</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Tư vấn Xây dựng Điện I	955.504.309	955.504.309	1.497.559.665	1.497.559.665
- Công ty Cổ phần Tư vấn XD Thủy Lợi Thanh Hóa	2.437.760.000	2.437.760.000	2.046.912.000	2.046.912.000
- Công ty Hồng Đô	800.811.940	800.811.940	-	-
- Công ty Khảo sát và Xây dựng số 16	1.291.379.000	1.291.379.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	8.716.029.916	8.716.029.916	10.468.663.432	10.468.663.432
	14.201.485.165	14.201.485.165	14.013.135.097	14.013.135.097

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		6.170.174.434		11.409.995.070		11.995.577.632		-		5.584.591.872	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.861.663.277		1.996.577.748		2.952.645.518		-		905.595.507	
Thuế Thu nhập cá nhân	62.948.639		41.086.486		745.921.277		258.907.381		33.055.521		498.207.264	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		239.548.683		2.262.860.472		2.261.032.672		-		241.376.483	
Các loại thuế khác	-		42.980.181		-		-		-		42.980.181	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	54.576		-		13.500.000		13.526.786		81.362		-	
	63.003.215		8.355.453.061		16.428.854.567		17.481.689.989		33.136.883		7.272.751.307	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	116.182.063	124.982.751
- Chi phí trích trước thầu phụ các công trình	6.217.093.902	14.543.341.228
	<u>6.333.275.965</u>	<u>14.668.323.979</u>

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	2.109.763.656	2.655.546.380
- Doanh thu nhận trước công trình Thác Huống	545.454.000	-
	<u>2.655.217.656</u>	<u>2.655.546.380</u>

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	2.530.251.434	185.310.940
- Bảo hiểm xã hội	123.337.596	103.384.993
- Bảo hiểm y tế	56.062.172	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	24.911.669	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.230.966.318	2.285.570.658
- Quỹ đóng góp của cán bộ nhân viên	3.777.382.314	3.363.512.352
- Phải trả chi phí giám sát tác giả theo quy định	4.535.991.481	4.535.991.481
- Phải trả tiền bảo hiểm các công trình	726.234.000	1.125.915.200
- Các khoản phải trả cán bộ CNV tiền vay	10.739.900.855	10.029.519.533
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.424.890.800	4.404.370.291
	<u>26.169.928.639</u>	<u>26.033.575.448</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCF

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	44.000.000.000	356.849.738	13.885.379.775	1.491.085.296	6.096.564.360	65.829.879.169
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	6.573.624.514	782.332.240	7.355.956.754
Số dư cuối năm trước	44.000.000.000	356.849.738	13.885.379.775	8.064.709.810	6.878.896.600	73.185.835.923
Số dư đầu năm nay	44.000.000.000	356.849.738	13.885.379.775	8.064.709.810	6.878.896.600	73.185.835.923
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	7.046.935.079	618.500.868	7.665.435.947
Phân phối lợi nhuận	-	-	537.899.000	(5.378.985.986)	-	(4.841.086.986)
Phân phối lợi nhuận công ty con	-	-	150.141.875	(458.431.807)	(652.005.954)	(960.295.886)
Số dư cuối năm nay	44.000.000.000	356.849.738	14.573.420.650	9.274.227.096	6.845.391.514	75.049.888.998

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 22/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	5.378.985.986
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	537.899.000
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	36,83%	1.981.086.986
Chi trả cổ tức (bằng 6,5 % vốn điều lệ)	53,17%	2.860.000.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước	49,00%	21.560.000.000	49,00%	21.560.000.000
Các cổ đông khác	51,00%	22.440.000.000	51,00%	22.440.000.000
	100%	44.000.000.000	100%	44.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	44.000.000.000	44.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	44.000.000.000	44.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	44.000.000.000	44.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.400.000	4.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

đ) Cổ tức

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	2.860.000.000	2.640.000.000
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	2.860.000.000	2.640.000.000
	2.860.000.000	2.640.000.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.573.420.650	13.885.379.775
	14.573.420.650	13.885.379.775

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	173.248	97.310

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	163.458.648.168	155.253.779.250
	<u>163.458.648.168</u>	<u>155.253.779.250</u>

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	74.782.000	-
	<u>74.782.000</u>	<u>-</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	135.757.735.885	128.578.495.237
	<u>135.757.735.885</u>	<u>128.578.495.237</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	336.282.361	253.800.007
Cổ tức, lợi nhuận được chia	415.720.000	468.840.000
	<u>752.002.361</u>	<u>722.640.007</u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.998.138.463	2.047.807.377
Chi phí tài chính khác	2.800.821	6.678.442
	<u>2.000.939.284</u>	<u>2.054.485.819</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	717.548.249	1.006.530.784
Chi phí nhân công	7.171.744.619	6.563.902.015
Chi phí khấu hao tài sản cố định	805.000.186	794.451.184
Thuế, phí, lệ phí	1.258.920.411	681.505.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.548.940.623	968.924.263
Chi phí khác bằng tiền	7.344.466.918	7.235.378.091
	18.846.621.006	17.250.691.800

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	92.090.909	20.000.000
Tiền cho thuê Văn phòng	2.130.522.994	1.390.872.723
Tiền thu từ đền bù, bồi hoàn	47.235.000	519.918.182
Thu tiền đề tài khoa học	57.142.857	453.333.333
Thu nhập khác	109.127.877	514.439.818
	2.436.119.637	2.898.564.056

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	266.731.743	1.169.847.370
Chi phí đề tài khoa học	60.000.000	476.000.000
Chi phí khác	162.586.910	120.484.118
	489.318.653	1.766.331.488

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.996.577.748	2.186.788.936
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	381.387.599
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.861.663.277	848.815.876
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.952.645.518)	(1.555.329.134)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	905.595.507	1.861.663.277

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.510.854.502	-	47.115.389.220	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	102.465.370.125	-	85.302.669.024	-
Đầu tư dài hạn	1.021.784.306	-	1.021.784.306	-
	138.998.008.933	-	133.439.842.550	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			22.260.245.066	20.062.023.160
Phải trả người bán, phải trả khác			40.371.413.804	40.046.710.545
Chi phí phải trả			6.333.275.965	14.668.323.979
			68.964.934.835	74.777.057.684

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.510.854.502	-	-	35.510.854.502
Phải thu khách hàng, phải thu khác	102.465.370.125	-	-	102.465.370.125
Đầu tư dài hạn	-	1.021.784.306	-	1.021.784.306
	<u>137.976.224.627</u>	<u>1.021.784.306</u>	<u>-</u>	<u>138.998.008.933</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.115.389.220	-	-	47.115.389.220
Phải thu khách hàng, phải thu khác	85.302.669.024	-	-	85.302.669.024
Đầu tư dài hạn	-	1.021.784.306	-	1.021.784.306
	<u>132.418.058.244</u>	<u>1.021.784.306</u>	<u>-</u>	<u>133.439.842.550</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	22.260.245.066	-	-	22.260.245.066
Phải trả người bán, phải trả khác	40.371.413.804	-	-	40.371.413.804
Chi phí phải trả	6.333.275.965	-	-	6.333.275.965
	68.964.934.835	-	-	68.964.934.835
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	20.062.023.160	-	-	20.062.023.160
Phải trả người bán, phải trả khác	40.046.710.545	-	-	40.046.710.545
Chi phí phải trả	14.668.323.979	-	-	14.668.323.979
	74.777.057.684	-	-	74.777.057.684

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Mặt khác, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 18.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		7.538.208.454	1.947.086.364
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	1.340.293.000	1.947.086.364
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	6.197.915.454	-

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Ứng trước cho nhà cung cấp		3.814.660.000	5.774.504.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	3.200.140.000	5.694.504.000
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	614.520.000	80.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.304.350.445	1.711.350.916

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Phạm Vũ Toàn
Người lậpPhan Kim Yến
Kế toán trưởngNguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017